

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 5 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Danh Thị T1, sinh năm 1989 (Có mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1987 (Có mặt);

Cùng cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Danh Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Danh Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2 kết hôn ngày 05/5/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng đã sống ly thân gần 05 năm (Từ năm 2018 đến nay). Do không còn tình cảm với anh T2 nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Danh Thị Cẩm Hân, sinh ngày 05/5/2009 và Nguyễn Bảo Xuyên, sinh ngày 27/10/2014. Khi ly hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xuyên, giao cháu Hân cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng; vợ chồng tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T2 trình bày: Anh Nguyễn Văn T2 thống nhất với lời trình bày của chị Danh Thị T1 về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung; trước các yêu cầu của chị T1, anh T2 đồng ý, không có ý kiến gì khác, cụ thể:

- Về hôn nhân: Anh T2 đồng ý ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Anh T2 đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Thị Cẩm Hân, sinh ngày 05/5/2009. Chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo Xuyên, sinh ngày 27/10/2014. Vợ chồng tự thỏa thuận vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Danh Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2 xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị T1 xác định, do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng đã sống ly thân gần 05 năm (Từ năm 2018 đến nay) nên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay chị T1 không còn tình cảm với anh T2 nên cương quyết xin ly hôn.

Anh T2 xác định, anh T2 và chị T1 đã sống ly thân và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân; hiện nay anh T2 cũng không còn tình cảm với chị T1 nên đồng ý ly hôn với chị T1.

Do chị T1 và anh T2 không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị T1 và anh T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho chị T1 và anh T2 ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Danh Thị Cẩm Hân, sinh ngày 05/5/2009 và Nguyễn Bảo Xuyên, sinh ngày 27/10/2014. Khi ly

hôn, chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xuyên, giao cháu Hân cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, tại phiên tòa anh T2 đồng ý theo yêu cầu của chị T1. Theo đó, anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hân, chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xuyên. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Hân và cháu Xuyên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1, giao cháu Hân cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Xuyên cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 và anh T2 thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị T1 và anh T2 thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị T1 và anh T2 thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị T1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Danh Thị T1.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2.

- Về con chung:

Giao cháu Danh Thị Cẩm Hân, sinh ngày 05/5/2009 cho anh Nguyễn Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Danh Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hân mà không ai được cản trở; chị T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hân được sống chung với anh T2.

Giao cháu Nguyễn Bảo Xuyên, sinh ngày 27/10/2014 cho chị Danh Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Xuyên mà không ai được cản trở; anh T2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Xuyên được sống chung với chị T1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

1. Án phí: Chị Danh Thị T1 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 21/3/2022 chị T1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004559 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Danh Thị T1 và bị đơn anh Nguyễn Văn T2 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà